

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 8 (Thành phố)

Phần C.II - Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam

Ngày thi: 09/10/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Đoàn Thị Vân Anh	7,00	Bảy	41	Nông Thị Huyền My	8,00	Tám
2	Hoàng Thị Chao	8,00	Tám	42	Nguyễn Thị Huyền My	8,00	Tám
3	Lôi Thị Chao	7,50	Bảy phẩy năm	43	Lý Thị Mùi	8,00	Tám
4	Trần Huệ Chi	7,25	Bảy phẩy hai năm	44	Lục Thị Bích Ngọc	7,50	Bảy phẩy năm
5	Đàm Quang Chiến	7,00	Bảy	45	Nông Thị Ngâm	7,50	Bảy phẩy năm
6	Hoàng Ngọc Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	46	Dương Thị Nghiệp	7,25	Bảy phẩy hai năm
7	Đàm Đức Dũng		<i>Không đủ đk</i>	47	Nguyễn Thị Nhã	7,00	Bảy
8	Phạm Ngọc Diệp	7,00	Bảy	48	Nguyễn Tuyết Nhung	8,00	Tám
9	Nguyễn Minh Đoàn	7,00	Bảy	49	Ma Thị Oanh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
10	Lã Thị Giang	7,50	Bảy phẩy năm	50	Lý Thị Phúc	7,50	Bảy phẩy năm
11	Đinh Văn Giáp	7,50	Bảy phẩy năm	51	Ngô Thị Phượng	8,00	Tám
12	Nông Thị Ngân Hà	7,50	Bảy phẩy năm	52	Hoàng Hải Quý	7,50	Bảy phẩy năm
13	Hoàng Thị Thanh Hà	8,00	Tám	53	Phùng Thị Quỳnh	7,50	Bảy phẩy năm
14	Nông Thị Thúy Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	54	Nông Công Sỹ	7,50	Bảy phẩy năm
15	Nông Thị Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Phạm Thị Tài	7,25	Bảy phẩy hai năm
16	Vũ Thị Hằng	8,00	Tám	56	Chu Văn Tình	7,25	Bảy phẩy hai năm
17	Đỗ Thị Hằng	8,00	Tám	57	Lục Toàn Thắng	6,75	Sáu phẩy bảy năm
18	Lâm Thị Hiền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	58	Nông Quốc Thắng	7,50	Bảy phẩy năm
19	Hoàng Thị Thu Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	59	Nguyễn Thị Thuận	7,50	Bảy phẩy năm
20	Lục Minh Hiền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	60	Lục Xuân Trường	7,00	Bảy
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	8,25	Tám phẩy hai năm	61	Phạm Thị Minh Thoa	7,00	Bảy

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
22	Hoàng Thị Hoan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	62	Mã Thị Thu	7,00	Bảy
23	Nông Thị Hồng	8,00	Tám	63	La Thị Minh Thứ	7,00	Bảy
24	Vũ Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	64	Lại Thị Minh Thúy	8,00	Tám
25	Đổng Thanh Huệ	8,00	Tám	65	Nông Bích Thủy	8,00	Tám
26	Ngân Thị Hương	7,00	Bảy	66	Bế Thị Thanh Thủy	8,00	Tám
27	Vũ Thị Lan Hương	8,00	Tám	67	Lăng Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
28	Phạm Thị Lan Hương	7,50	Bảy phẩy năm	68	Nguyễn Thị Thu Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
29	Nông Thu Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	69	Phan Thị Thu Trang	8,00	Tám
30	Lý Ánh Hoàng	7,50	Bảy phẩy năm	70	Lương Quang Tuấn	8,25	Tám phẩy hai năm
31	Lục Đức Khánh		Thôi học	71	Nguyễn Thị Tuyền	8,00	Tám
32	Lục Thị Kiều	7,00	Bảy	72	Nông Thị Tuyết	7,50	Bảy phẩy năm
33	Lục Thị Phương Lan	7,00	Bảy	73	Bế Xuân Vinh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
34	Nông Thị Diệu Linh	8,25	Tám phẩy hai năm	74	Hoàng Trường Vương	7,50	Bảy phẩy năm
35	Phan Khánh Linh	8,00	Tám	75	Hoàng Thị Kiều Xuân	8,00	Tám
36	Phan Thị Liên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	76	Nguyễn Hải Yến	7,50	Bảy phẩy năm
37	Hoàng Thị Liên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	77	Đàm Thị Yến	7,50	Bảy phẩy năm
38	Nông Thị Thúy Lưu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	78	Trần Thị Bạch Yến	7,00	Bảy
39	Đình Thị Lụa	8,00	Tám	79	Lương Thị Hải Yến	7,25	Bảy phẩy hai năm
40	Hà Vũ Mạnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	80	Nông Văn Đạt (K10)	7,25	Bảy phẩy hai năm

Điểm 6,75: 01 điểm; Điểm 7,00: 13 điểm; Điểm 7,25: 06 điểm; Điểm 7,50: 23 điểm; Điểm 7,75: 12 điểm; Điểm 8,00: 20 điểm; Điểm 8,25: 03 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Triệu Văn Lượng



Đoàn Thị Vân Thúy




Trịnh Thị Ánh Hoa